

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 139/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 6 - 2021

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 129/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 236/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Minh Th, sinh năm 1983

Cư trú: Ấp Đ, xã A, huyện M, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thái Tr, sinh năm 1976

Cư trú: Ấp K2, xã H, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà Th vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), ông Tr vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Minh Th trình bày:

Bà và ông Tr quen biết qua mai mối rồi tiến tới kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Cưới nhau khoảng 02 năm do ông Tr không có việc làm ổn định, cuộc sống gặp nhiều khó khăn, bà đã xin cho chồng đi làm. Từ khi có việc làm thì cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Chồng bà không có trách nhiệm với vợ con, sống vô tâm. Gia đình chồng không thương yêu con dâu, cháu nội. Gia đình chồng bắt vợ chồng bà về sống chung, nhưng lại gọi hết con cháu trong nhà về ăn cơm chung, mặc dù ai cũng có gia đình riêng. Khi bà thấy cuộc sống quá lộn xộn nên có khuyên mẹ chồng là nói với các anh chị em của chồng đã có gia đình riêng thì tự lập, còn cha mẹ chồng sống với vợ chồng bà thì vợ chồng bà lo. Ông Tr bênh vực gia đình chửi bà và mâu thuẫn xảy ra thì bỏ mặc mẹ con bà. Ông Tr không che chở được cho vợ con chỉ sống vì gia đình và xem trọng anh em. Khi có lương đưa tiền lo cho con thì bảo bà là đừng dựa vào con làm tiền. Về mặt xã hội bà và ông Tr là vợ chồng nhưng trong cuộc sống thì không phải là vợ chồng. Bà đã cố níu kéo 06 năm là vì con nhưng ông Tr và gia đình chồng càng muốn phá vỡ vì lúc nào cũng xem mẹ con bà thua người dung. Bà và ông Tr đã sống ly thân từ năm 2016. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Tr ly hôn.

Quá trình chung sống bà và ông Tr có 01 con chung là cháu Trần Thái D, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2011. Sau khi ly hôn bà Th yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thái Tr trình bày: Không cung cấp tài liệu, chứng cứ, ý kiến cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, bà Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông Tr vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà Th và ông Tr tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Bà Th cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, kiên quyết ly hôn. Bà Th và ông Tr không còn chung sống từ năm 2016. Ông Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không thể hiện mong muốn đoàn tụ. Nên yêu cầu ly hôn của bà Th có căn cứ chấp nhận. Về con chung: Bà Th và ông Tr có 01 con chung là cháu Trần Thái D, sinh năm 2011. Cháu D hiện đang do bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà Th. Vì vậy, cần giao Cháu D cho bà Th nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu về thể chất, tinh thần. Về việc cấp dưỡng do bà Th không yêu cầu nên ông Tr không phải cấp dưỡng cho Cháu D. Về tài sản chung và nợ chung bà Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Minh Th và ông Trần Thái Tr kết hôn có đăng ký kết hôn; bà Th khởi kiện ông Tr là người hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố X và yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông Tr tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố X. Bà Th cho rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng thường xuyên sống xa nhau, ông Tr không có trách nhiệm với vợ con, sống vô tâm, gia đình chồng không thương yêu dâu và cháu. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng bà Th xác định không còn tình cảm với ông Tr, kiên quyết xin ly hôn, không có nguyện vọng đoàn tụ nên có đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt. Còn ông Tr dù được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không thể hiện nguyện vọng hàn gắn đoàn tụ gia đình. Mặt khác, bà Th và ông Tr không còn chung sống với nhau đã lâu, từ năm 2016 đến nay. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của bà Th và ông Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà Th xác định bà và ông Tr có một con chung là cháu Trần Thái D, sinh năm 2011. Bà Th yêu cầu sau khi ly hôn bà được nuôi con, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Từ khi sinh ra đến nay Cháu D đều sống với bà Th và do bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu D cũng có ý kiến mong muốn được tiếp tục sống với bà Th. Ông Tr không có ý kiến về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu, tạo điều kiện cho cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th về việc nuôi con chung và cấp dưỡng cho con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th trình bày ông Tr và bà Th không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Tr cũng không có ý kiến về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 238; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Các Điều 9; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Bà Trần Thị Minh Th được ly hôn với ông Trần Thái Tr.

2. Về con chung:

Bà Trần Thị Minh Th và ông Trần Thái Tr có 01 (một) con chung là cháu Trần Thái D sinh ngày 21 tháng 5 năm 2011.

Bà Trần Thị Minh Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Trần Thái D. Bà Trần Thị Minh Th và thành viên gia đình không được cản trở ông Trần Thái Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thái D.

Ông Trần Thái Tr không phải cấp dưỡng cho cháu Trần Thái D.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Trần Thị Minh Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0007510 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

Ông Trần Thái Tr không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND x. H, tp X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Loan

Huỳnh Thị Thúy Hoa

Nguyễn Thùy Giang

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND x. Mỹ Khánh, tp X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang